

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Lê Ngọc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kiều D, sinh năm 1987 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh La Thanh P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Chính sách xã hội V.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Bán Đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội V: Ông Trần Thái P, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018).

2. Ngân hàng TMCP V (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9 Đ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Lê Thị E(Mai Thị E), sinh năm 1938 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/3/2018 nguyên đơn chị Nguyễn Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh La Thanh P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống và bất hòa trong tình cảm. Hiện anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh La Thanh P.

Về nuôi con chung: Gồm 02 người con chung tên La Kim D, sinh ngày 29/02/2008 và La Khánh D, sinh ngày 16/6/2016, hiện các cháu đang sống chung với chị. Sau khi hôn chị yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, về nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ trả: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền 25.000.000 đồng, nợ tiền hụi bà Lê Thị E 10.000.000 đồng, nợ ngân hàng TMCP V số tiền 90.000.000 đồng. Chị xác định có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N số tiền vay, thời gian vay như lời trình bày của đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Nay chị đồng ý thanh toán số tiền gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi 2.511.431 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày yêu cầu đến thời điểm tất toán món nợ. Chị yêu cầu anh P phải cùng có trách nhiệm trả nợ vì khi vay thì anh P có biết và chị xác định là nợ chung của vợ chồng vay về sử dụng vào mục đích sinh hoạt của gia đình.

Theo bản tự khai đề ngày 12/10/2018 anh La Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Kiều D kết hôn năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hiện tại anh chị đã sống ly thân và chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Gồm 02 người, tên La Kim D và La Khánh D. Hiện các cháu đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao hai cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về chia tài sản: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ trả: Về khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội V; Ngân hàng Thương mại cổ phần V và của bà Lê Thị E là nợ riêng của chị D không liên quan đến anh. Nay anh không đồng ý thanh toán các khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng chính sách xã hội V trình bày: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng chị D và anh P đã vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N món vay như sau:

Số khế ước tiền vay 6600000705502078 với số tiền gốc là 25.000.000 đồng, tiền lãi còn phải trả kể từ ngày vay đến ngày 15/5/2018 là 2.511.431 đồng, ngày vay 16/9/2015, hạn trả 15/9/2020, lãi suất cho vay 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Về tình hình trả nợ, trả lãi tiền vay: Số khế ước tiền vay 6600000705502078: Trả tiền nợ gốc bằng 0 đồng, có trả tiền lãi 1.934.084 đồng. Kể từ ngày 15/6/2017 đến nay chị D và anh P không thực hiện nghĩa vụ nộp lãi với số tiền là 2.511.431 đồng. Tình trạng món vay đã quá hạn trả nợ gốc, nợ lãi và nợ theo phân kỳ nhưng đến nay chị D và anh P chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để trả dứt điểm nợ gốc và lãi cho ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký. Nay yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị D và anh P phải cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi 2.511.431 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày yêu cầu đến thời điểm tất toán món nợ. Theo đơn đề nghị vắng mặt phía ngân hàng xác định lãi phát sinh tính đến ngày 22/11/2018 là 3.350.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị E trình bày: Vào năm 2012 bà có mở dây hui 300.000 đồng, gồm 50 chân chị D có tham gia 01 chân đã hốt nay còn nợ hui chết là 10.000.000 đồng. Nay chị D và anh P yêu cầu ly hôn bà không yêu cầu giải quyết số tiền hui trên trong cùng vụ án vì bà và chị D sẽ tự thỏa thuận. Nếu sau này chị D không thanh toán thì bà sẽ yêu cầu thành vụ án riêng.

Đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Anh La Thanh P và bà Lê Thị E, Ngân hàng chính sách xã hội V có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị D bảo lưu quan điểm.

Ý kiến của kiểm sát viên: Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thực hiện đúng trình tự pháp luật quy định. Hôn nhân của chị D và anh P là hợp pháp. Do cuộc sống của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Chị D được tiếp tục nuôi cháu Khánh D và Kim D và buộc anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Về tài sản chung không đặt ra xem xét. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính

sách xã hội V đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội V buộc chị D và anh P phải có trách nhiệm thanh nợ gốc và lãi phát sinh cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tổ tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, anh La Thanh P và bà Lê Thị E, Ngân hàng chính sách xã hội V có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều D và anh La Thanh P tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 năm 2009 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị D nhận thấy cuộc sống của anh chị có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị D và anh P là có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kiều D, chị D được ly hôn với anh La Thanh P.

[3] Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên La Kim D, sinh ngày 29/02/2008 và cháu La Khánh D, sinh ngày 16/6/2016, hiện các cháu đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn chị D và anh P thống nhất để chị D được tiếp tục nuôi hai cháu, đồng thời cháu Kim D có đơn nguyện vọng được sống cùng chị D. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con của chị D và anh P là phù hợp nguyện vọng của cháu Kim D và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình để chị D tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu La Kim D, sinh ngày 29/02/2008 và La Khánh D, sinh ngày 16/6/2016. Anh P không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Kim D và Khánh D được phát triển bình thường cần buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kim D và Khánh D mỗi tháng 1.000.000 đồng/người. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Kim D và Khánh D đủ 18 tuổi. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Nguyễn Kiều D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh La Thanh P chậm thi hành khoản tiền trên cho chị D thì anh P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ trả: Ngân hàng chính sách xã hội V căn cứ vào hợp đồng tín dụng có số khế ước tiền vay 6600000705502078 thì chị D và anh P đã vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội V món vay với số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Thời hạn vay 16/9/2015, hạn trả 15/9/2020, lãi suất cho vay 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn. Kể từ ngày 15/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/11/2018 chị D và anh P không thực hiện nghĩa vụ nộp lãi với số tiền là 3.350.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị D và anh P phải cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 25.000.000 đồng, nợ lãi 3.350.000 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày yêu cầu đến thời điểm tất toán món nợ. Đối với khoản vay của ngân hàng chị D thừa nhận là có vay và còn nợ như ngân hàng trình bày là đúng và chị D xác định đây nợ chung của chị và anh P vì vay tiền nhằm phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân. Chị D đồng ý cùng anh P thanh toán nợ cho ngân hàng. Nhưng phía anh P xác định đây là nợ riêng của chị D và không đồng ý cùng chị D thanh toán nợ nhưng anh P không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đây là khoản nợ riêng của chị D, đồng thời đây là khoản nợ được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị D và anh P và nhằm phục vụ vào sinh hoạt chung của gia đình và nuôi con chung của anh chị nên xác định là nợ chung của chị D và anh P. Sau khi vay vốn tại Ngân hàng thì chị D và anh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi và ngân hàng có yêu cầu thu hồi vốn và lãi là phù hợp. Sau khi đối chiếu khoản nợ gốc vay chưa thanh toán và mức lãi thỏa thuận ghi nhận trong hợp đồng thấy rằng số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc của chị D và anh P vay tính đến xét xử sơ thẩm được tính 3.350.000 đồng là phù hợp theo mức lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật được chấp nhận. Do Ngân hàng yêu cầu chị D và anh P thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ nên căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì chị D và anh P có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V, buộc chị Nguyễn Kiều D và anh La Thanh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội V tổng số tiền 28.350.000 đồng, trong đó nghĩa vụ thanh toán nợ của chị D bằng $\frac{1}{2}$ khoản nợ tương ứng với số tiền 14.175.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tương ứng với nghĩa vụ của chị D đến khi chị D thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng. Nghĩa vụ thanh toán nợ của anh P bằng $\frac{1}{2}$ khoản nợ tương ứng với số tiền 14.175.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tương ứng với nghĩa vụ của anh P đến khi anh P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

[7] Đối với khoản nợ của bà Lê Thị E và Ngân hàng Thương mại cổ phần V không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên không đặt ra xem xét.

[8] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12; khoản 5, khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Kiều D phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 709.000 đồng (tính tròn số). Chị Nguyễn Kiều D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014148 ngày 28/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiền được đối trừ phần còn thiếu chị D tiếp tục nộp. Anh La Thanh P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 709.000 đồng (tính tròn số) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội V thuộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí nên không đặt ra xem xét.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh La Thanh P, bà Lê Thị Em, Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Ngân hàng chính sách xã hội V.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12; khoản 2 Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D, chị D được ly hôn với anh La Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Kiều D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu La Kim D, sinh ngày 29/02/2008 và La Khánh D, sinh ngày 16/6/2016. Buộc anh La Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu La Kim D và La Khánh D mỗi tháng 1.000.000 đồng/người. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Kim D và Khánh D đủ 18 tuổi.

Anh La Thanh P không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị Nguyễn Kiều D.

Kể từ khi chị Nguyễn Kiều D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh La Thanh P chậm thi hành khoản tiền trên cho chị D thì anh P còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ trả: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội V. Buộc chị Nguyễn Kiều D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng với số tiền 14.175.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tương ứng với nghĩa vụ của chị D đến khi chị D thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng. Buộc anh La Thanh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 14.175.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tương ứng với nghĩa vụ của anh P đến khi phương thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Kim D phải chịu là 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch là 709.000 đồng (tính tròn số). Chị Nguyễn Kiều D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014148 ngày 28/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được đối trừ phần còn thiếu chị D tiếp tục nộp. Anh La Thanh P phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 709.000 đồng (tính tròn số) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội V thuộc đối tượng không phải nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí nên không đặt ra xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mỹ Phương